



## Chiều cao non Thái

*thảo nguyên*

Máy bay chuẩn bị chào phi đạo để đáp xuống phi trường Kuala Lumpur vào lúc nửa đêm về sáng. Những chiếc đèn màu, thắm đậm sương đêm lóng lánh, mỗi lúc một gần hơn. Phi cơ giảm dần cao độ, mang đến cho tôi một cảm giác hồi hộp băng khuâng. Đây là vùng đất lạ, lạ cả người lẫn cảnh, mà sao lòng tôi vẫn cảm thấy thân thương như ở quê nhà, thuở còn bé dại.

Tôi lớn lên trên đất Mỹ nhưng vẫn mang trong hồn mảnh đất phương đông. Có lẽ vì thế mà, dù rằng đặt chân đến Mã, tôi có cảm tưởng rằng mình đã về lại quê cha.

Máy bay đã xuống đầu phi đạo. Những chiếc đèn màu chạy dài liên tiếp về phía sau, vùn vụt nhanh hơn gió thổi. Bánh xe vừa chạm trên mặt đất, chưa vào bãi đáp mà hành khách đã xông xáo hẳn lên, kẻ đứng người ngồi trông chờ được xuống. Ai cũng nao nức vì sắp gặp lại người thân sau chuyến bay dài mệt nhọc. Tôi không có gì để mà vội vã ngoài cái cảm giác băng khuâng vừa chợt đến. Không! Không có ai chờ đợi tôi ở ngoài quây hành khách giờ này. Tôi đến đây chỉ có một mình, và sẽ đi thật xa, để có thể đến một nơi mà hai mươi năm trước tôi đã đặt những bước chân đầu tiên ở đất nước này.

Cô tiếp viên người Mã gốc Tàu xinh đẹp đến gần để tôi vừa kịp nhận ra hành khách đã xuống hết cả rồi. Dòng suy tưởng của tôi tạm

ngừng khi tiếng người đẹp vang lên.

-May I help you?

-Ồ không! Xin lỗi, tôi quên rằng đã đến lúc phải rời khỏi nơi đây.

Tôi vội vàng lấy chiếc va li từ trên giá xuống rồi bước đi ngay. Ra khỏi máy bay tôi mới có đủ chỗ cặng hai bánh xe trong chiếc va li để kéo. Cô tiếp viên xinh xắn cũng rời khỏi thân tàu đi về cùng hướng. Tôi cố ý đi chậm lại, song song với cô gái, rồi bạo dạn hỏi thăm.

-Thưa cô, tôi muốn chờ ở phi trường đợi sáng để đi đến một nơi xa, chắc không có gì trở ngại phải không?

Cô gái hơi ngạc nhiên, hỏi lại.

-Ông không định vào Kuala Lumpur à. Mà ông muốn đến nơi nào?

-Tôi định đến tỉnh Terengganu. Bây giờ đã hơn bốn giờ sáng, vào thành phố cũng không còn thời gian để nghỉ. Tôi định nếu có thể thuê xe được ngay ở đây thì tôi sẽ đi luôn cho kịp.

-Đến tỉnh Terengganu à? Xa lắm, cả bốn năm trăm cây số, có xe taxi nào chạy tới! Mà họ có chịu chạy thì ông cũng phải trả một món tiền rất lớn. Ông chỉ có thể thuê xe taxi ở đây tới bến xe Kuala Lumpur, rồi từ đó mua vé xe để tới Terengganu thôi. Hoặc là ông mua vé máy bay rồi chờ ở đây nếu còn chỗ trống, nhưng mà đắt lắm.

Tôi phải đành tính toán lại dự định của mình. Mới học xong và đi làm được gần một năm nay. Tiền bạc còn rất nhiều thiếu thốn. Nhưng tôi không thể không tới Terengganu được. Phải đành chọn lựa một cách nào để đỡ tốn kém hơn. Tôi nhìn cô gái nói thật hoàn cảnh của mình.

-Tôi không có nhiều tiền như những người du khách khác. Cô làm ơn chỉ cho tôi cách nào để đến Terengganu mà đỡ tốn kém nhất không?

Cô gái nhìn tôi dò xét, rồi không nén nổi tò mò, cô lại hỏi tôi.

-Ông từ đâu tới đây, và đến Terengganu để làm gì?

-Tôi là người Việt Nam định cư ở Mỹ. Hai mươi năm trước đây Mã lai là mảnh đất đầu tiên cho tôi trú ngụ để tìm được tự do. Tôi muốn về lại nơi mà hai mươi năm trước tôi đã đi qua.

Cô gái reo lên vui vẻ.

-Thế ra ông là một thuyền nhân của hai mươi năm trước đây. Chắc ngày ấy ông còn nhỏ lắm?

-Cô nói đúng. Ngày ấy tôi chỉ là cậu bé tị nạn nghèo nàn vừa tròn tám tuổi. Thời gian đi nhanh quá. Mới đó ngày nào mà đã mấy mươi năm rồi.

-Từ đây tới Terengganu đường còn xa lắm. Nếu ông muốn, tôi có thể giúp ông về tới bến xe thành phố. Từ đó ông có thể mua vé rẻ hơn. Nhưng sao ông không ở lại nghỉ ở Kuala Lumpur một ngày cho khỏe, mai hẵng ra đi? Tôi chỉ cho ông tới một hotel không đắt lắm.

-Xin cảm ơn cô. Nhưng tôi muốn đi ngay. Và lại tôi cũng không có nhiều tiền để nghỉ đêm trong khách sạn.

Cô gái hình như bằng lòng với lời nói thành thực của tôi. Cô mỉm cười thông cảm. Khi cả hai bước tới quầy quan thuế dành cho hành khách, cô gái quay sang bảo tôi.

-Thôi được, kiểm soát hành lý xong ông chờ tôi một chút. Tôi sẽ chờ ông tới bến xe, vì trên cùng một đường về nơi tôi đang ở.

Nói xong cô bước vào phòng vé. Tôi mừng quá ngồi xuống hàng ghế trong phòng đợi. Bước đầu tiên như thế đã là may. Đáng lẽ ra tôi phải chờ một vài năm sau mới có thể đi đến nơi này với tiền bạc dư thừa một chút. Nhưng tôi không thể đợi lâu hơn nữa. Hai mươi năm đã là một khoảng thời gian rất dài, cho một việc mình muốn mà vẫn chưa làm.

Một lúc sau cô gái đi ra. Trên tay cô kéo một chiếc xách to, chắc là đồ đạc cá nhân. Đã xong mọi việc, tôi nhanh nhẹn đứng lên bước theo ngay. Đến chỗ đậu xe dành riêng cho phi hành đoàn, tôi mau mắn khiêng chiếc va li của nàng lên xe rồi ngồi bên cạnh. Về ngại ngùng và lễ phép của tôi làm cô gái cảm động, thân mật hơn.

-Tôi sẽ giúp ông mua được vé xe trong ngày hôm nay. Nếu đi từ sáng sớm như bây giờ thì buổi chiều chắc sẽ tới nơi. Xin lỗi ông tôi hơi tò mò một chút, ông tới Terengganu vì một chuyện của hai mươi năm về trước?

-Vâng, thưa cô, tôi muốn đi tìm một chút bình yên.

-Ngày còn đi học tôi vẫn được nghe chuyện về những thuyền nhân

liều chết vượt biển ra đi hàng đoàn hàng loạt. Tôi chẳng biết vì lý do gì mà họ sợ hãi không thể sống trên mảnh đất mà mình đã sinh ra.

-Có nhiều thứ làm người ta sợ hãi. Nhưng nỗi sợ hãi ghê gớm nhất là mất hết tự do. Đất nước tôi giàu có tài nguyên; dân nước tôi thông minh chăm chỉ; nhưng vẫn đói nghèo vì không được tự do làm những gì mình muốn.

Đường về thành phố nửa khuya về sáng loang lổ ánh đèn. Trời đêm Kuala Lumpur trong xanh quá. Thành phố hiện đại không kém gì đất Mỹ, nhưng đậm thắm tình người. Tôi may mắn đã gặp được một người thiếu nữ thuần túy Á đông, nhân hậu, tin người, như cô gái đang lái xe bên cạnh. Nàng sốt sắng giúp đỡ những người đang cần được giúp. Tôi muốn nói một đôi lời ca ngợi để tỏ lòng biết ơn cô.

-Đất nước Mã lai giàu đẹp, dân Mã lai sung sướng quá. Chắc chẳng bao giờ cô thấy được nỗi khổ sở, sự nghèo nàn, của một đất nước sau chiến tranh, đầy đầy thù hận như Việt Nam của chúng tôi.

-Tôi biết dân tộc của ông anh hùng và can đảm lắm. Đất nước ông lúc nào cũng là đề tài quyền rũ chúng tôi. Nếu có thể được, xin ông kể cho tôi nghe một vài câu chuyện về mình. Đường còn xa lắm!



Tôi lớn lên trong sự đói rách, nghèo nàn, của những ngày thơ cùng khổ, còm cõi thiếu ăn, trong một xã hội mà người cai trị lúc nào cũng dòm ngó kỳ thị gia đình tôi. Thuở mới lọt lòng, mẹ đã gửi tôi cho ông bà nội để đi làm việc ở xa. Thình thoảng một thoảng đôi lần mẹ mới đến thăm, vì thế cái sạp cũ kỹ trong những buổi chợ chiều là không gian quen thuộc. Tôi thường lần quần bên bà nội với gánh hàng rau tàn héo. Khi nhớ mẹ, hay nhìn những đứa trẻ khác được mẹ nó âu yếm, tôi lại hỏi bà.

-Bà nội, sao má cháu đi lâu quá không về?

Mỗi lần như thế bà lại ôm lấy tôi, xoa đầu an ủi.

-Tại bây giờ đi cách mạng giải phóng miền Nam. Ai ai cũng phải vào đội vào đoàn, làm việc bằng hai nên bận lắm, làm gì có thì giờ để lo cho con cái nữa.

Tôi lại hỏi bà.

-Thế còn bố cháu đâu rồi bà nội?

Bà tôi thần thờ, nghẹn ngào trả lời rất nhanh.

-Bố mày là ngục, bị công an bắt đi tù rồi.

Một ngày, đã lâu tôi không còn nhớ nữa, chú Khôi đi đâu về ghé tai bà nội thì thầm những gì tôi không được rõ. Rất lâu bà ngừng lên nhìn tôi rồi rom rớm nước mắt. Khi tôi chạy tới, bà ôm chầm lấy tôi rên rĩ.

-Tôi nghiệp cháu của tôi, còn cha còn mẹ mà cũng như đứa mồ côi.

Ngày ấy tôi còn nhỏ quá, chẳng hiểu gì nên hỏi lại bà.

-Mồ côi là sao hở bà? Sao cháu lại mồ côi?

Bà nội không nói, cứ ôm chặt tôi vào lòng. Từ đó về sau tôi chẳng bao giờ được mẹ tới thăm. Thật lâu sau này tôi mới biết được rằng mẹ tôi đã vượt biển đến một nơi nào xa lắm.

Năm tôi lên bảy tuổi, phải cố gắng lắm bà nội tôi mới có thể cho tôi đi học. Tuy là lớp vỡ lòng, nhưng tôi đã biết đọc và tính toán vì chú Khôi đã dạy trước ở nhà. Sau buổi học, tôi thường ra chợ giúp bà nội bán hàng và sai vặt. Thịnh thoảng bà nội thường cho tôi xem lại ảnh một người lính mặc áo màu hoa rồi bảo.

-Đây là bố mày đó. Bố mày là sĩ quan ngục nên bị chúng nó bắt đi rồi.

-Sao bố cháu mặc đồ không giống mấy ông bộ đội? Mặc quần áo này sao giống mấy thằng Mỹ quá!

-Giống Mỹ nên mới bị bắt đi tù!

Sự cách biệt giữa tôi và những thằng cùng lớp để tôi hiểu thêm rằng cha tôi là một người lính của chế độ miền Nam thua trận, đã bị bắt đi tù khi tôi vừa tròn hai tháng.

Cuộc đời chúng tôi trôi trong mệt mỏi. Những bữa ăn trộn đầy khoai sắn, và thức ăn hôm nào cũng giống hôm nào. Buổi tối ăn xong tôi thường quanh quẩn bên bà, học bài ê-a dưới ngọn đèn nê-ông duy nhất. Chú Khôi hay dạy tôi làm toán, và cô Trâm thường dắt tôi ra bể nước rửa ráy tay chân trước khi đi ngủ.

Cho đến một hôm vừa đi học về bụng đói, tôi định chạy ra chợ đòi

bà mua bánh, bỗng chợt nhận ra có ai đang thập thò trước cửa. Tôi ngược nhìn lên, thấy một người đàn ông gầy gò trong bộ quần áo màu xanh sọc trắng. Nhìn tôi rất lâu, ông hỏi.

-Không có ai ở nhà sao cháu?

-Dạ, bà nội còn ở ngoài chợ. Cô Trâm cô Ái đi bán bánh chưa về.

-Thế còn ông nội?

-Ông nội đi kinh tế mới với chú Hoà rồi.

-Thế mẹ cháu đâu?

-Mẹ cháu vượt biên sang Mỹ lâu rồi!

Ông yên lặng nhìn tôi một lúc thật lâu, lâu lắm, rồi lại hỏi tôi.

-Có phải cháu tên là Hiếu không?

Tôi ngạc nhiên nhìn ông nói lớn.

-Dạ cháu là Hiếu đây. Sao ông lại biết tên cháu?

Người đàn ông ngăn người ra. Một lúc sau ông chạy đến, quỳ xuống ôm chặt tôi vào lòng kêu lên như muốn khóc.

-Bố của con đây. Hôm nay bố được về ở với con đây!

Tôi ngỡ ngàng nhìn cha. Chưa bao giờ tôi thấy được mặt người, ngoại trừ tấm ảnh áo hoa mà bà nội thường đưa tôi coi mỗi khi nói về người tù thân thiết. Nhưng nét mặt quen thuộc và một mảnh lược vô hình nào đó khơi dậy trong tôi để cảm nhận ra người đàn ông gầy còm kia đúng là cha thật rồi. Tôi ôm chặt lấy ông nức nở.

-Bố ơi, sao bố đi lâu quá. Ở nhà mấy thằng con nhà cán bộ chúng nó bắt nạt con.

Hai cha con ôm nhau thật lâu. Rồi tôi dắt cha tôi ra chỗ bà nội bán rau. Tình cờ có cả cô Trâm cô Ái đi bán bánh mới về ở đó. Tôi vừa kéo tay cha vừa la lớn.

-Bà nội ơi, bố cháu về đây rồi bà nội!

Bà tôi và hai cô chỉ một thoáng ngỡ ngàng, cùng la lên, rồi bỏ cả hàng chạy ngay lại vây quanh, rồi ôm lấy cha. Bà nội khóc trong niềm vui hội ngộ, hai cô tôi đầm đìa nước mắt, và tôi cũng khóc theo. Bao nhiêu giọt nước mắt nhỏ giữa khu chợ chiều hiu quạnh.

Từ ngày có cha về cuộc sống của tôi thay đổi hẳn. Tuy vẫn com

độn ngô khoai, nhưng trong nhà đã có tiếng cười. Ông nội và chú Hoà lâu lâu lại về thì thăm với cha. Mặt bà nội đã thôi ủ dột buồn bã như dạo trước. Chú Khôi, chú Hoà, và hai cô đã có lúc vui đùa. Tôi không còn cảm thấy sợ mấy thằng con nhà cán bộ thường hay bắt nạt bắt tôi nộp kẹo. Có cha, tôi cảm thấy can đảm hơn lên

Cha tôi chỉ nghỉ ngơi vài ngày rồi lại bắt đầu làm việc kiếm sống. Không có chỗ nào cho một người tù chính trị trở về ngoài những việc phải đổi sức người lấy miếng cơm. Một người chị họ của mẹ tôi đi buôn hàng chuyển cần người đẩy xe ba-gác để giao hàng. Thế là cha tôi hân hoan nhận công việc ấy.

Tôi thích được đi theo giúp cha đẩy xe trong những ngày nghỉ học. Nói là giúp chứ thực ra tôi trèo lên xe cho cha đạp. Thịnh thoảng gặp chỗ dốc cao hay ổ gà tôi mới phụ thêm sức lực. Đó là những ngày thơ vui nhất trong đời, không bao giờ tôi còn tìm lại được. Có đi với cha, tôi mới thấy được những khổ sở nhọc nhằn trong công việc hàng ngày của người. Những kiện hàng nặng chất cao trên xe, đẩy qua những khu chợ hẹp, bừa bộn quang gánh và hàng hóa. Những ngày đầu chưa quen việc, làm đổ cả gánh cá của người ta. Bà bán cá tiếc hàng, tiếc của, nhảy lên chửi rủa. Hai cha con cuống quýt sợ hãi bắt cá bỏ lại và năn ni bồi thường thiệt hại. Lại có lần làm đổ cả gánh hàng rau. Cô bán rau vốn có cảm tình với cha, chỉ mắng yêu thôi.

-Gớm cái nhà bác này, mới ra nghề, chẳng biết lái xe gì cả, làm đổ cả gánh của người ta .

Mỗi lần như thế tôi lại hỏi cha về mẹ. Cha không trả lời mà chỉ vuốt tóc tôi an ủi.

-Tại cuộc sống con ạ. Tại thời thế đổi thay, mẹ cũng đâu muốn thế!

Tôi thường khoe với bố thành tích đạt được trong trường. Nào là cố gắng phấn đấu làm cháu ngoan bác Hồ để được quà khăn đỏ. Tôi say sưa hát cho bố nghe những bài hát được dạy trong lớp học:

*Em mua một cây bút chì  
Vẽ ngay một tên giặc nguy  
Em tô đôi mắt đỏ kè  
Cái mặt nhần nhó thấy ghê  
Nó đang kêu khóc lay van*

*Chú giải phóng quân miền Nam*

*Cầm súng chú đứng hiên ngang*

*Bất tên nguy giờ tay hàng.*

Cha tôi lặng người đi một lúc không nói gì. Từ đó về sau ngày nào cha cũng giảng giải cặn kẽ cho tôi nghe về cuộc đời của ông, và những người lính miền Nam xưa chiến đấu cho tự do của người dân Việt, nhưng không may đã bị bỏ rơi, bị tù tội và lãng nhục. Cha cũng nói về sự ngu dốt bạo tàn của người cai trị, mang đến đói nghèo cho đất nước bây giờ.

Thỉnh thoảng cha tôi phải lên đồn công an để trình diện chính quyền. Viết bản tường trình hàng tháng nộp cho họ. Mỗi lần như thế ông trở về nhà ngồi buồn bã hàng giờ.

Một ngày ông nội tôi và chú Hòa lại về. Ông nội nói chuyện với cha thật lâu, kể về những mưu chước của những người cộng sản. Họ thường giả làm những người của chế độ cũ, dò hỏi, dụ dỗ những người lính miền Nam đi vào rừng kháng chiến. Nhưng thật sự đó chỉ là cái bẫy để bắt những ai còn có tư tưởng chống đối mà thôi. Ông nội thở dài bảo cha:

-Chỉ có cách ra đi thôi con ạ. Ra đi mới tìm được con đường sống để có thể trở về.

Một buổi chiều cha đi làm về sớm hơn thường lệ, lôi ra một chiếc ba lô đã cũ, khoét hai cái lỗ dưới đáy rồi bảo tôi xỏ chân vào. Ông nhắc bông tôi lên rồi đeo ba lô vào vai. Tôi thích quá vì được cõng trên lưng cha mà tay chân vẫn được tự do. Thử đi thử lại mấy lần cha dục tôi đi ngủ sớm. Mờ sáng hôm sau bác Phú - một người bạn tù cùng với cha tôi - đến nhà và rủ cha con tôi đi ngay. Buổi trưa, chúng tôi đến Vũng tàu và có người dẫn ngay vào một căn chòi nhỏ. Suốt từ đó đến đêm chúng tôi không được ra ngoài.

Chúng tôi được đánh thức dậy vào lúc nửa khuya. Bác Phú và cha tôi đã chuẩn bị từ lúc nào. Tôi không dám hỏi nhưng được cha giải thích rằng, ở đây gần kề bãi biển, lại nhiều đá lớn, thuyền vượt biên không vào sát được, chỉ neo ở xa, và mọi người phải cố gắng bơi ra. Đó là lý do tại sao bố bỏ tôi vào ba lô để đeo trên vai cho dễ dàng xoay sở. Người ta chọn chỗ này vì nguy hiểm nên công an thường không nghi ngờ canh gác. Chỉ một lúc sau có người vào ra hiệu cho



chúng tôi đi theo xuống ngay bờ biển. Ở đó đã có một tốp người toàn đàn ông con trai chờ sẵn. Có lẽ tôi là đứa bé duy nhất trong cuộc trốn chạy này. Khi ánh đèn pin trên con tàu ra hiệu, là những đoạn dây đã được móc xong, mọi người cùng ào ra ngay.

Đến bây giờ tôi mới thấy sợ sự cuồng nộ của thiên nhiên. Từng ngọn sóng cao quá đầu người làm sợi dây chìm sâu trong nước. Mọi người đều chỉ đi người không, còn cha thì phải đeo tôi trên vai vượt sóng nên không thể nhanh nhẹn được. Ra được nửa chừng tôi sợ quá. Trong cái ánh sáng mờ mờ như địa ngục của những chòm sao đêm, bao nhiêu bóng người nhấp nhô trên sóng dữ. Mấy lần chìm sâu trong nước. Sợ quá tôi khóc âm lên.

-Thôi đi về đi bố ơi! Không bơi ra được đâu, chết mất!

Đang lúc ấy thì trên bờ tiếng súng nổ vang. Tiếng la hét chửi bới của mấy thằng công an có lẽ còn to hơn tiếng sóng vỗ. Con tàu vội vã bỏ dây xuống biển, chạt neo chạy vội ra xa, bỏ mặc cha con tôi và những người chậm chân chìm trong hỗn loạn. Chỉ còn một con đường sống là trở lại bờ đá để nạp mạng cho mấy thằng công an đang chửi rủa trên bờ. Cha bảo tôi yên lặng. Ông buông dây lần ngang con sóng. Tôi hiểu ông không thể nạp mình. Phải đi vào cái chết tìm con đường sống. Tôi nghiêng rặng nhắm mắt ôm chặt lấy cha, mặc cho sóng biển đưa đi. Trời còn tối quá nên cha con tôi lần được vào bờ, lẫn bên những tảng đá to. Chờ đến tận trưa mới lần ra đường tìm tới bến xe.

Sau lần vượt biên hụt ấy, cha tôi không dám trở về nhà bà nội nữa. Ông lang thang trốn tránh trong vùng ven biển, để cố gắng tìm đường ra đi. Một may mắn tình cờ, cha được một người quen của ông nội mượn ở trên thuyền. Từ đó, ông học lái thuyền, đi cào, đi câu hàng ngày. Mấy tháng sau, cha lại trở về đất chú Khôi, chú Hòa, cô Trâm, và tôi vội vã đi ra Bà Rịa, để bắt đầu một cuộc phiêu lưu khác .

Đêm hôm ấy chúng tôi ra khơi trong giông tố hãi hùng. Tháng mười hai, sóng to gió lớn. Không có tàu nào dám vượt biên nên công an cũng lơ là canh gác. Vì thế chúng tôi thoát ra được khỏi cửa biển không mấy khó khăn, nhưng thiên nhiên thì hung dữ quá. Từng ngọn sóng cao như những căn nhà lầu mấy tầng, ập lên con thuyền mong manh bé nhỏ. Bây giờ tôi mới thấy được cái uy dũng

của người cha. Ông điều khiển con thuyền chống sóng. Mọi lệnh đưa ra, mọi người đều phải thi hành tuyệt đối. Suốt đêm hôm ấy và ngày hôm sau, chỉ là những chống đỡ để khỏi chìm, và khi đêm đến, sóng gió dịu dần, nhưng con thuyền đã lạc mất hướng đi.

Cha tôi gọi người tài công phụ và chú Khôi lên cabin để góp thêm ý kiến. Ông đặt nhiều giả thiết về vị trí của con tàu, rồi chọn một hải trình tương đối an toàn hơn cả.

Cả ngày hôm sau con thuyền trôi trên những lượn sóng không lờ, màu nước đã trở nên đen thẫm. Chiều đã xuống rồi mà không gặp gì ngoài một chiếc phao và đôi guốc đàn bà. Không khí ghê rợn chết chóc bao quanh từng mỗi con người.

Ngày thứ ba và thứ tư con thuyền vẫn lằm lũi trôi trong vô định. Một vài người góp ý nên đổi hướng đi, nhưng cha cương quyết giữ ý định của mình. Cha bảo chú Khôi, chú Hòa rằng nếu ông tính đúng thì đêm nay hoặc sáng mai con thuyền sẽ đi vào đường băng Hồng Kông - Singapore. Chừng đó sẽ đổi hướng đi theo hải trình này, an toàn và dễ được tàu vớt hơn.

Đến nửa đêm lúc tôi còn đang ngủ bỗng có tiếng ai đó la lên.

-Trông kia có ánh đèn. Chúng ta đã tới đất liền.

Thật ra đó không phải là hải đảo hay lục địa. Đó chỉ là con tàu lớn bỏ neo dừng lại. Bỏ ra lệnh cho chú Khôi, chú Hoà, và những anh thanh niên lấy quần áo thấm dầu làm thành những cây đuốc vẩy trong đêm tối, cầu cứu đến con tàu và tiến lại gần. Nhưng buồn thay, cái ánh sáng hy vọng kia lại chạy đi xa rồi mất hút. Sau mấy giờ hy vọng, tôi nghe thấy tiếng thở dài buồn bã của cha. Suốt đêm trong giấc ngủ chập chờn tôi cứ nghe thấy cha và các chú bàn tán mãi về con đường thuyền đã đi qua.

Sáng sớm hôm sau trời quang đãng hẳn. Gió nhẹ nhàng thơm tho mùi biển mặn. Để tiết kiệm nhiên liệu, cha tôi ra lệnh căng buồm.

Mười mấy người kéo giã cào ra dựng cột buồm. Sáu người con trai đứng phía dưới nâng giã cào lên, lắp vào lỗ đã đục sẵn ở giữa thuyền. Một đám khác leo lên nóc cabin kéo cho cột đứng lên. Mảnh buồm kết lại bằng những bao cát ngày xưa được luồn vào một cây ngang rồi kéo lên cao. Buồm căng lộng gió.

Cha bảo với chú Khôi là hôm nay gió nhẹ có thể căng buồm lên để

tiết kiệm nhiên liệu vì đường còn mịt mùng xa thăm.

Người ta yêu mẹ bởi những nét hiền hậu dịu dàng, nhưng người ta yêu cha bởi những nét oai phong lắm liệt. Tôi thương cha, nhưng càng thương kính và hãnh diện hơn, bởi những lời nói của cha được mọi người thi hành tuyệt đối.

Một lúc sau tiếng người reo hò như vỡ chợ. Một chiếc tàu xuất hiện phía trái chúng tôi mỗi lúc một rõ dần. Trời càng sáng hơn, chúng tôi càng thấy nhiều tàu cứ mỗi lúc gần cùng hướng với chúng tôi. Cha và chú Khôi vui mừng quá vì đã tính đúng đường đi. Ông hãnh diện ra lệnh cho người tài công phụ.

-Đổi hướng tàu đi 270 độ. Mình sẽ theo các con tàu kia để đi tới Singapore.

Nửa giờ sau thì con tàu đi phía sau dần dần hiện rõ. Có lẽ đó là một chiếc tàu buôn mang cờ Nhật bản. Mọi người đều dùng đủ mọi cách vẫy cờ cầu cứu, nhưng xem ra không có kết quả gì. Con tàu thân nhiên vượt qua như không thấy sự hiện diện của chúng tôi. Rồi rất nhiều tàu hiện ra ở chung quanh nhưng khoảng cách quá xa. Chắc chắn là họ đã thấy chúng tôi nhưng chẳng có tàu nào lại gần. Đến khoảng hai giờ chiều thì có một chiếc quay ngang dừng lại. Đó là một chiếc tàu mang cờ Pháp. Mọi người reo lên mừng rỡ. Sau năm ngày mệt mỏi ai cũng vui mừng bàn tán. Trên chiếc boong tàu kia là bờ bên của tự do.

Nhưng không, khi chúng tôi mừng rỡ tới gần thì những chiếc thùng, những kiện hàng đã được móc dây thả xuống. Đây đủ thực phẩm và dầu chạy máy. Cam táo nho lê đủ cả với giồng chữ chúc mừng giáng sinh bằng tiếng Pháp. Đến lúc ấy mọi người mới nhớ ra hôm nay là ngày Chúa giáng trần. Xong xuôi tàu lại rời xa, vội vã như không muốn nghe lời năn nỉ cầu cứu của chúng tôi.

Đêm xuống dần theo những chiếc tàu qua lại, đèn sáng một khoảng trời sao. Chúng tôi lại đốt hết quần áo để xin được vớt, đến nỗi mỗi người chỉ còn một cái quần mà vẫn chẳng thấy một tia hy vọng mong manh nào.

Sáng hôm sau, đã sang ngày thứ sáu lênh đênh trên biển, đột nhiên chúng tôi gặp được ba chiếc tàu chiến mang cờ Mỹ đi ngược lại. Cha tôi đặt ống dòm xuống la lên.

-Tàu Mỹ, tàu Mỹ kia kia. Chắc lần này chúng ta sẽ được vớt rồi!

Mọi người đều reo hò sung sướng. Mà thật vậy! Khi tàu Mỹ thấy chúng tôi là họ còi vang lên âm ỹ. Rồi cả ba chiếc tiến lên theo đội hình bao quanh chúng tôi. Một chiếc lớn nhất ở giữa ra hiệu cho chúng tôi lại gần và chạy vòng quanh tàu. Xuồng cấp cứu được thả xuống ngay. Ba quân nhân Mỹ mang máy truyền tin, dụng cụ y khoa cấp cứu chạy đến chúng tôi. Họ bước lên tàu đếm số người rồi đi vào hầm máy. Sau đó người mang máy gọi đi, chắc là báo cáo cho chiến hạm chỉ huy. Một lúc sau một chiếc xuồng nữa được thả xuống. Ai nấy đều reo hò mừng rỡ. Họ mang đến cho chúng tôi bao nhiêu thực phẩm, áo quần, với lời chỉ dẫn cứ chạy thẳng sẽ tới Mã lai hoặc Singapore. Cả thuyền đều chung hững bất ngờ hỏi tại sao tàu Mỹ mà không vớt người tỵ nạn. Họ giải thích rằng tàu đang bắt đầu đi công tác. Và lại trên tàu không có ai đau yếu cần cấp cứu. Lại nữa là tàu còn chạy nhanh và chạy tốt có thể đến được Mã lai.

Cha tôi kinh ngạc đến sững sờ. Ông cấm mọi người không được nhận bất cứ một món đồ gì của người Mỹ mang xuống, với hy vọng khơi dậy lòng thương hại. Nhưng cha tôi lại lầm lẫn nữa, vì dù chúng tôi không nhận, hai chiếc xuồng lại chắt những kiện hàng trở lại, rồi thân nhiên quay về tàu lớn. Một lúc sau cả ba chiếc đều họ còi vội vã ra đi.

Trước cảnh này, cha tôi có lẽ là người đau đớn nhất. Ông lại tiếp tục cho tàu chạy về hướng cũ. Đến mờ sáng ngày thứ bảy thì chúng tôi đã thấy mờ xa là những núi non, và bao quanh không biết bao nhiêu tàu lớn nhỏ mang đủ loại cờ. Phía trước mặt chúng tôi là một vùng ánh sáng lớn, chắc chắn là Singapore.

Đột nhiên có hai chiếc máy bay nhỏ hướng về chúng tôi rồi giảm dần cao độ. Họ bay sát trên đầu. Cha tôi vội gọi bác Châu, bạn của cha, là một sĩ quan không quân dạo trước.

-Ông ở không quân, biết thủ hiệu xin cấp cứu không? Làm đi, xin tụi nó vớt chúng mình.

Bác Châu nằm lẩn xuống khoang tàu, đưa cả tay chân ra làm hiệu. Hai chiếc máy bay lộn đi lộn lại nhiều vòng rồi bay thẳng. Một chập sau, hai chiếc tàu sắt nhỏ tiến tới chúng tôi. Thôi thế là thoát rồi, chắc họ tới để đưa tất cả lên bờ.

Khi hai chiếc tàu tới gần, họ quăng giây ra hiệu cho chúng tôi buộc lại. Trên tàu toàn là lính với đầy đủ súng ống, chắc họ đang đi tuần tiễu. Nhưng lạ quá, sao mấy người lính cứ chìa súng vào chúng tôi như sẵn sàng nhả đạn. Thôi chết rồi, họ kéo chúng tôi ra biển.

Bao nhiêu người quỳ xuống, chấp tay vái lạy những người lính Singapore tha cho, nhưng tất cả đều quay mặt đi không nhìn lại, súng vẫn cứ chĩa về chúng tôi. Họ bắc loa giải thích rằng đất Singapore không nhận người tỵ nạn. Chúng tôi muốn đi tới đâu thì tới, ngoại trừ Singapore.

Đến đây ai cũng đầy tuyệt vọng. Có rất nhiều người bật lên tiếng khóc. Kéo trở ra biển chừng hai giờ sau, họ dừng lại chỉ cho chúng tôi đi về hướng tây để tới Mã lai.

Không còn cách nào hơn, con thuyền làm lủi đi về đất Mã. Nhưng chỉ một tiếng sau thì tai họa đến với chúng tôi. Thuyền không thể tiến thêm, máy dần chậm lại. Người tài công phụ la lên.

-Chân vịt vướng lưới giăng câu của tụi Mã lai rồi.

Chúng tôi đang ở gần bờ. Những lượn sóng to ngoài khơi vỡ ra, nâng con thuyền lên cao, rồi rơi xuống thật mau. Không ai dám nhảy xuống nước bây giờ để gỡ những mảnh lưới kia ra. Chúng tôi không còn thời gian nữa, vì mỗi con sóng dập ngang, con thuyền ọp ẹp như muốn vỡ tung ra.

Mọi người đều sợ hãi, cái chết như đã lớn vờn quanh đây. Tuy vậy



không ai dám lặn xuống biển để gỡ lưới ra dù trên thuyền rất nhiều dân đi biển. Không còn thì giờ để suy tính nữa, cha tôi lao đầu vào cơn sóng sau khi dặn dò chú Khôi, chú Hòa, và những người giữ lái ở trên thuyền.



Tôi ngừng kể, nhắm mắt để nhớ lại hình ảnh hào hùng của người cha lao vào cơn sóng giữ để cứu những người đang chờ chết ở trên thuyền. Cô gái vẫn lặng yên nghe, nhưng mắt không rời đường phố. Đêm đã nhạt màu khi trời đang đợi sáng. Những vì sao muộn cũng đã lẩn khuất trong mây. Hồi lâu cô mới nói.

-Nghe chuyện ông kể tôi hồi hộp và cảm động quá. Đúng là một thiên anh hùng ca trên biển. Chính các ông đã viết vào lịch sử nhân loại một trang sử vĩ đại, hào hùng hơn cả những người Pilgrims tìm về đất Mỹ ngày xưa. Trang lịch sử của những thuyền nhân vượt biển bằng những con thuyền mong manh. Anh tôi học về xã hội ở đại học Kuala Lumpur này. Đang làm luận án tiến sĩ về những thuyền nhân như ông đó. Nếu anh tôi có dịp gặp được ông để mà phỏng vấn thì thật là may mắn. Chắc ông có thể giúp anh tôi biết được nhiều điều bổ ích trong luận án tốt nghiệp này. Khi nào xong công việc, nếu có thì giờ xin mời ông ghé nhà chúng tôi chơi.

-Vâng, cảm ơn cô đã có lòng. Nhất định là tôi sẽ ghé lại nếu cô cho phép.

Một lúc sau chúng tôi đã tới bến xe. Cô gái nhanh nhẹn và quen thuộc dẫn tôi vào phòng vé. Bến xe ở đây cũng sạch sẽ và ngăn nắp như những bến xe Greyhound bên Mỹ. Nhìn những hàng xe chờ theo thứ tự, mới mẻ gọn gàng, làm tôi nhớ lại những chuyến xe than đầy bụi cát, chìm đắm trong những bến xe loang lổ ổ gà của quê hương Việt nam ngày sau mất nước. Thừa ấy mỗi khi theo ông nội về Long khánh tôi phải bước lên những chiếc xe than không có chỗ ngồi, phải đứng trong tất cả những cuộc hành trình. Chao ôi, cũng cùng trên một giải đất Đông Nam Á mà sự cách biệt quá xa vời!

Nửa giờ sau tôi đã ngồi trên xe, ngay bên cửa sổ. Cô gái dặn dò tôi kỹ lưỡng vì biết tôi xa lạ với xứ sở này. Cô đưa cả cho tôi danh thiếp, có địa chỉ và số điện thoại cả hai nơi, rồi mới quay trở lại chỗ xe nàg đang đậu.

Tôi đọc vội danh thiếp để biết tên cô là Amy Chen. Xe sắp sửa rời bến đột nhiên Amy quay trở lại, nói nhỏ với tài xế điều gì rồi lại vụt chạy đi. Tôi ngạc nhiên thấy xe dừng hẳn như chờ đợi. Một lúc sau cô quay trở lại với một gói trên tay. Amy đưa tất cả cho tôi rồi nói.

-Tôi mua cho ông bánh bao và nước ngọt. Trên đường đi ông khó mà kiếm được thức ăn vừa ý vì hàng quán dọc đường chỉ toàn đồ ăn Mã. Tôi đã dặn tài xế giúp đỡ ông nếu cần. Ở xứ này ai cũng nói được tiếng Anh nên ông đừng ngại. Thôi chúc ông đi đường bình an.

Tôi cảm động trước sự chu đáo của cô gái mới quen. Gương mặt cô bầu bĩnh hồn nhiên và trắng ngần, tương phản hẳn với những người Mã lai bản xứ. Với tôi bây giờ cô đáng yêu và nhân hậu như những bà tiên trong chuyện kể.

Xe đi qua những con phố hẹp, bỏ Kuala Lumpur hiện đại đằng sau. Đường xuyên bang ở đây chỉ có hai lane ngược xuôi, nhưng được tráng nhựa bằng phẳng và sạch sẽ, không hề có dấu vết loang lổ hay ổ gà nào. Năng mai đã chói chang bên khung cửa xe. Từ Kuala Lumpur phải đi về hướng đông để tới Terengganu. Đất nước Mã lai rất nhiều đồi núi. Con đường nhấp nhô lên dốc xuống đèo. Hai bên là những cánh rừng cao su ngút ngàn với những hàng cây thẳng tắp. Có những đoạn đèo cao phủ mờ mây trắng. Nhìn về phía đông, cả một vùng ánh sáng trong không gian trong suốt, lóng lánh như thủy tinh. Đến xế chiều xe bắt đầu đổ dốc xuống miền đông. Làng mạc thôn xóm hiện ra trong tầm mắt. Ở đâu cũng thấy cây xanh, một màu xanh tươi đẹp hiền hòa. Những người đàn ông Mã cỡi trần, quần xà rộng và đội nón trên đầu. Chiếc nón màu đen, hình ống như những cái ly to úp xuống. Lũ trẻ mặc những chiếc áo sặc sỡ, vui đùa trong những hàng cây. Những đèn thờ Hồi giáo mái tròn như những cũ hành tây, không lồ vàng chóa cong vút, như toát ra cả sự màu nhiệm vào không gian. Ôi quê hương người ta sao thanh bình êm ấm quá. Đã không có chiến tranh mà cũng chẳng có hận thù.

Tôi lại nhớ đến quê hương Việt nam dưới tay người cộng sản. Tuổi thơ lê la đầu đường xó chợ. Tuổi thơ đang trốn chạy khỏi quê hương trong những đêm tối hải hùng đạn bay súng nổ trên đầu. Người ta chỉ dạy cho tôi toàn những hận thù.

Em mua một cây bút chì

Vẽ ngay một tên giặc nguỵ.

Chính vì thế mà cha con, chú cháu chúng tôi phải bỏ nước ra đi.

Đến sẩm tối xe mới tới Terengganu. Tôi thuê phòng ngủ ngay tại bến xe để ngày mai đi về bến tàu Merang thật sớm. Tôi dự định sẽ dừng lại ở đây xin giấy phép và mượn một vài người giúp đỡ. Từ Merang theo những chuyến tàu tôi sẽ ra khơi.

Đến Merang, thật may tôi gặp được một sĩ quan quân đội chính quyền Mã lai gốc Tàu giúp đỡ. Đó là ông đại úy chỉ huy Task Force miền duyên hải Merang. Khi biết tôi là một cựu thuyền nhân và muốn đi ra hải đảo, ông mỉm cười nói lớn.

-Trại đã dẹp lâu rồi. Không còn ai trên đảo nữa. Paulo Bidong bây giờ hoang vắng lắm. Chỉ có sóng biển và chim trời với một tiểu đội Task force luân phiên canh giữ. Ông định tìm ai trên đó?

Khi tôi nói rõ mục đích chuyến đi của mình, ông đại úy yên lặng nhìn tôi cảm động. Một lúc sau ông nói.

-Tôi sẽ giúp anh trở lại Paulo Bidong nhưng phải chờ thêm hai ngày nữa. Nếu anh không có gì gấp, tôi sẽ cho đi theo chuyến tàu tiếp tế. Như thế anh đỡ tốn tiền thuê tàu.

Tôi bằng lòng ở lại, sung sướng với sự may mắn không ngờ. Tôi gọi ngay cho Amy để nhờ xác nhận chuyến bay nhưng không gặp. Nàng đã theo máy bay về lại Mỹ. Nhưng không sao, tôi có đủ thời gian.

Buổi chiều chờ đợi, tôi đứng trên bến tàu Marang nhìn ra biển cả. Hàng dừa non tươi xanh ru hồn tôi về một không gian đốn đau. Hai mươi năm trước đây, một nơi nào đó trên bến tàu này tôi không nhớ rõ, người ta đã chở một cậu bé thuyền nhân ốm yếu gầy còm, vừa đi vừa khóc. Cậu đang lo sợ sẽ mất đi một tình yêu thiêng liêng và cao cả nhất trên đời. Cả chú Khôi, chú Hòa, cô Trâm, và nhiều người đi theo cũng khóc.

Những cây dừa năm ấy rũ rượi ngã nghiêng theo gió tháng mười hai. Những cây dừa già nua tang tóc in đậm trong hồn tôi cho đến cuối cuộc đời.

Hai hôm sau, khi ở trên chuyến tàu đổi phiên của tuần duyên Mã, tôi đã chuẩn bị đầy đủ hành trang cho chuyến trở về lại Paulo Bidong. Bây giờ là tháng Tư, trời yên lặng gió. Biển xanh tĩnh lặng như mặt nước hồ thu. Con tàu lướt trên mặt nước nhẹ nhàng khác



hắn ngày xưa. Gần ba tiếng đồng hồ sau một người lính Mã chỉ cho tôi một khoảng lờ mờ giữa trời mây nước bao la.

-Paulo Bidong kia rồi.

Tôi hồi hộp nhìn theo không nén nổi bồi hồi. Vết lờ mờ hiện rõ hơn trong từng phút. Không lâu thì mảnh đất trần trụi với những cây dừa gãy đổ ngày xưa hiện ra trọn vẹn. Đó là hòn cá mập đứng án ngữ ngay trước cửa Bidong. Chúng tôi ngày ấy thường đứng từ hải đảo Paulo Bidong nhìn ra hướng này, để mơ đến một vùng trời xa lạ, giàu sang và hấp dẫn. Đó là hướng nhìn hy vọng. Hy vọng những con tàu đến mang nước uống và thực phẩm tươi. Chờ theo những phái đoàn phỏng vấn nhận người, rồi từ đó chờ người đi định cư về những phương trời xa lạ.

Ngày xưa đảo cá mập xác xơ với những hàng dừa gãy đổ, bây giờ đã trở lại tươi xanh. Những cây dừa non, chắc mới được trồng, đang bùng lên sức sống. Tàu qua hòn cá mập. Paulo Bidong ở kia rồi. Tôi hỏi người lính đi cùng.

-Chút nữa tàu sẽ cập vào cầu Jetty phải không ông?

Người lính ngỡ ngác nhìn tôi như không hiểu. Có cầu Jetty nào nữa? Anh ta còn quá trẻ nên chẳng biết gì về Paulo Bidong ngày ấy. Có một chiếc cầu đây ấp tình thương và hy vọng ở giữa Bidong nối đi muôn hướng. Nó được bắt đầu từ cổng chính chạy dài ra biển hàng năm chục thước để cho tàu đến và đi ghé sát vào. Jetty mang đến cho người bao nhiêu mơ ước. Vượt biển đến được Jetty là như đã đến cổng thiên đường. Từ Jetty, người ta ra đi để đến thiên đường của những xứ sở tự do. Buổi chiều dân ty nạn thường ra đây câu cá, ngắm chờ và hóng mát. Riêng tôi thường ra đây để khóc, để nhớ người thân.

Hai mươi phút sau tôi được đặt chân lên đảo, tuy rằng chẳng còn cầu Jetty thuở ấy. Sau hai mươi năm dấu vết chẳng còn gì ngoài những ngọn đồi. Tuy cỏ cây đã phủ mờ lối cũ nhưng tôi vẫn nhận ra dốc đá dựng đứng. Phía dưới là bãi biển cát trắng ngần với làn nước yên lặng trong veo mà tôi thường tắm.

Tôi lần theo dấu vết xưa để trèo lên dốc đá. Từ trên đỉnh cao này tôi có thể nhìn bao quát Paulo Bidong. Những lán nhà, trường học, chùa chiền rộn rịp khi xưa đâu còn nữa. Cả một tập thể sống động

mấy chục ngàn người chen chúc trên một hải đảo chu vi chừng vài ba cây số. Một xã hội Việt nam lưu lạc ngay trên xứ người, có biết bao nhiêu tâm tình, bao nhiêu đời sống, giờ đây đã trôi vào thời gian để hoàn toàn im vắng.

Tôi quay sang mồm đồi xanh phía trái. Những hòn đá to, khắc những tên người và những lời nhắn gửi, nổi vui mừng khi tới đất tự do, hay những lời than oán chia lìa, không biết có còn hiện hữu tới hôm nay? Lăn theo sườn dốc, tôi hướng về đất thánh. Đó là nơi tôi đã ngồi yên lặng hàng giờ để nhìn ra biển cả, khóc thương cho một kiếp con người. Bước chân tôi hôm nay bồi hồi, chậm rãi, để xác định lại những dấu vết khi xưa. Đây rồi, tôi cúi xuống cùng người phụ giúp phải đi cát bụi bám trên phiến đá. Hàng chữ mờ nhạt quá Nó đã gần như mòn nhẵn trong nắng mưa dù rằng năm ấy chú Khôi, chú Hoà đã cố đục cho sâu. Hôm nay tôi vẫn còn đọc được. Những hàng chữ này đưa tôi về cái ngày đau thương ấy.



...Chiếc thuyền không thể tiến về đằng trước, cũng không thể quay ngang tránh sóng. Máy kêu xanh xanh từng tiếng như đứt hơi dù chưa tắt hẳn. Nó sẽ bị sóng đánh chìm nếu chân vịt không còn quay được. Những mảnh lưới dày cộm của dân đánh cá Mã Lai đã quấn vào làm chân vịt ngừng quay. Con thuyền gần như chết máy. Từng con sóng lớn vỡ ra ập đến làm con thuyền sắp vỡ tung ra. Biển đang cuồng nộ. Ai dám lao vào biển bây giờ.

Cha tôi đứng lên dặn chú Khôi và người tài công phụ vài điều rồi lao ngay xuống biển. Ông lặn thật sâu bám vào chân vịt lôi ra từng mảng lưới. Nhưng cứ gỡ được cánh quạt này thì hai cánh kia lưới lại bám vào. Sức và hơi người chỉ có giới hạn nếu không nghĩ ra một cách nào. Tôi vật xuống cho cha một sợi dây thừng lớn và nói với ông cột những mảnh lưới kia vào để người trên thuyền giữ chặt. Sau hai giờ vật lộn với sóng gió, những mảnh lưới đã được gỡ ra khỏi cánh quạt của con thuyền. Trong lúc mọi người đang quá đổi vui mừng thì một con sóng nhắc bổng thuyền lên. Nước ào qua tạo thành khoảng trống để cho con thuyền gần như rơi tự do xuống mặt nước trong khi cha tôi đang vùng vẫy cố ngoi lên. Máu loang đỏ ra ngay.

Cố đưa tay cho người trên thuyền nắm lấy, cha tôi ngất liền sau

đó. Chân vịt đã quay lại được, con thuyền bây giờ đã lấy lại được thăng bằng hướng mũi vào bờ. Hơn nửa tiếng sau chú Khôi và người tài công đưa được con thuyền vào bãi cát. Mọi người vui mừng ào ngay xuống mặt đất tự do, chỉ riêng cha tôi vẫn không tỉnh dậy. Những người dân Mã ở ven biển chạy đến nhìn chúng tôi với vẻ lạ lùng. Khi biết chúng tôi là dân Việt nam vượt biển họ reo hò cười nói. Người đổ tới mỗi lúc một đông hơn để xem chúng tôi. Có cả quân đội không biết từ đâu cũng đến. Người chỉ huy nói chuyện với bác Châu và chú Khôi, rồi đến chỗ cha tôi đang nằm bất động trên thuyền. Tôi với chú Hòa, cô Trâm, vẫn ở bên cha chờ người ta khiêng xuống.

Hai giờ sau nhân viên Hồng thập tự Mã lai ở hội Trăng Liềm Đỏ mang thức ăn và quần áo đến rồi chở chúng tôi đi ngay. Tôi không thiết tha gì đến áo quần và thức ăn dù thiếu thốn nhiều ngày. Tôi chỉ nắm lấy tay cha để khóc. Cả chú Khôi, chú Hòa, cô Trâm và nhiều người cũng khóc.

Đến chiều, chúng tôi đến Marang, cha tôi được đưa vào bệnh viện, nhưng người chằng bao giờ thức dậy. Cuối cùng người ta đưa cha tôi về lại Bidong để yên nghỉ nơi đây, trong nghĩa trang buồn cho những người không may mắn trước khi tới cổng thiên đường. Mới ngày nào mà nay đã hai mươi năm chẵn.

Tôi vẫn đứng đây, nơi đất thánh Bidong, nhìn bao quát chung quanh. Hải đảo cô đơn giữa biển cả chập chùng này, có một lần, nhà văn Duyên Anh đã gọi là quán trọ trước cửa ngõ của thiên đường. Đây là nơi trú ngụ đầu tiên của mấy trăm ngàn người đi tìm tự do đạo ấy. Đối với tôi, Paulo Bidong đã hóa thành tâm hồn, đã là một phần quê hương, vì đã cư mang tôi trong những ngày đầu bỡ ngỡ. Đã gìn giữ xương cốt cha tôi mấy chục năm trôi.

Tôi bảo người phụ giúp bắt đầu công việc. Những xèng đất chìm sâu trong ngôi mộ đã mang tầm mắt tôi đến gần cha. Một mảnh trắng trắng lẫn trong xèng đất vừa mới được hất lên. Tôi bồi hồi nhận ra đó là chiếc lược bằng nhôm mà cha tôi đã làm ở trong tù để đem về tặng mẹ. Chiếc lược đó không bao giờ đến tay người nhận. Chính tôi đã bỏ xuống đây trả lại cho cha khi mọi người khác ném những hòn đất cuối cùng. Không có ai xứng đáng chải chiếc lược mà cha tôi đã hằng ngày mài dũa.



Tôi nhớ đến một đoạn thơ trong cuốn nhật ký của cha mà chú Khôi đã trao khi tôi khôn lớn.

*Xin có đôi lời gửi đến con  
 Đời cha nợ nước vẫn chưa tròn  
 Thì xin trao cả giang sơn ấy  
 Con gánh gùm cha những nỗi buồn*

Từng nắm đất được xúc lên. Khi nắp áo quan vừa bật mở, nhìn lại xương thịt của cha, tôi bật khóc. Hôm nay tôi có mặt nơi này là để mang hài cốt của người về cố quốc. Tôi thì thầm khẩn nguyện, tin rằng nơi đào nguyên xa xăm nào đó cha tôi nghe được.

-Thưa cha, con sẽ gánh nỗi buồn của cha để lại và cố gắng đi trọn con đường dang dở của cha.

Buổi chiều Paulo Bidong buồn trong quạnh vắng. Gió biển mơn man lùa vào thịt da sao quá lạnh lùng. Tôi nhớ tới Amy với tấm lòng nhân hậu. Hy vọng sẽ gặp được nàng trong chuyến trở về.

*Thảo Nguyên 2001*